CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long

Ngày 30/06/2025	28,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.7%	**-4.9%**	**-2.4%**

DT thuần
Q2/25
158
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 66.9| 73.8%
YoY: ▲ 16.0| 11.5%

LN thuần
Q2/25
3.25
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.80| 32.8%
YoY: ▼5.42| -62.5%

LN sau thuế
Q2/25
4.67
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.90| 24.0%
YoY: ▼6.03| -56.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.2%
YoY: +/-▼ 1.3%

ROE (TTM)
Q2/25
11.0%
YoY: +/-▼ 2.3%

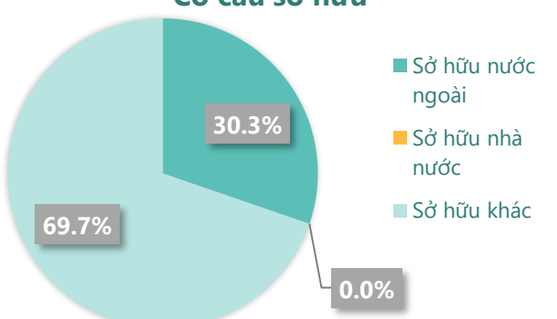
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,537 - 31,970
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	337
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,500
Sở hữu nước ngoài	30.3%
Beta	0.57
EPS	1,829
P/E	15.4

DT thuần
6T 2025
249
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 43.0| 21.1%

LN thuần
6T 2025
5.70
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.94| -40.9%

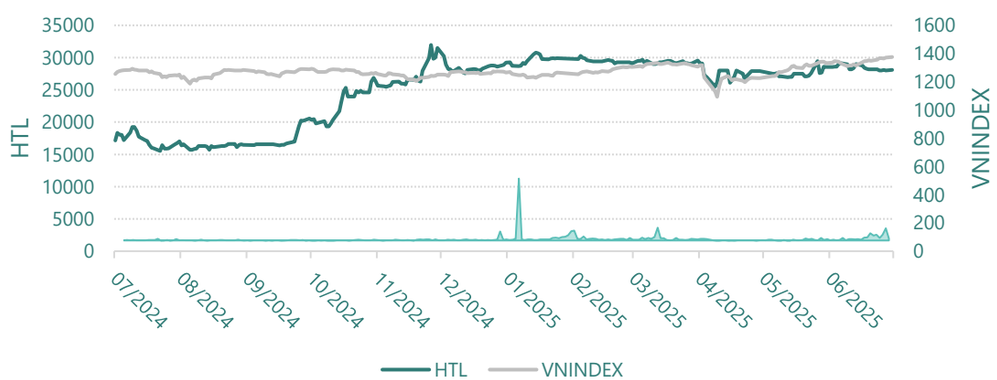
LN sau thuế
6T 2025
8.45
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.85| -36.4%

Cơ cấu sở hữu

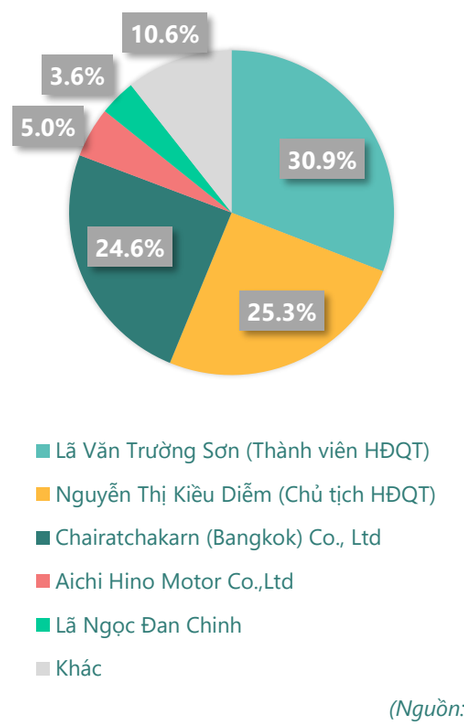


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



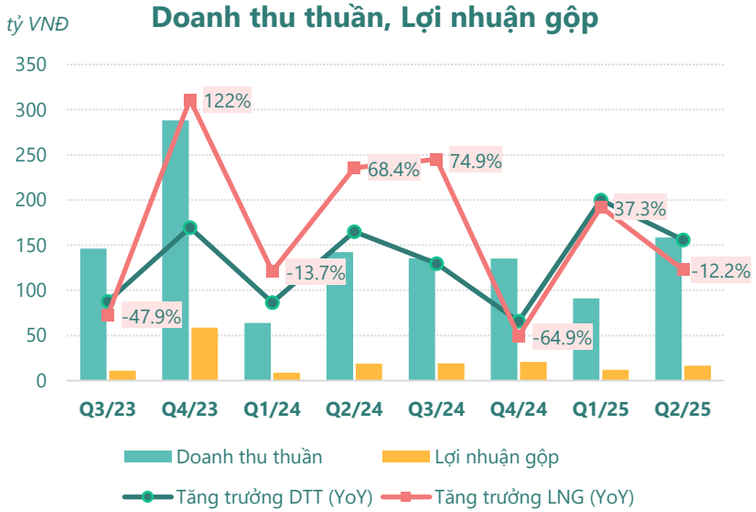
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

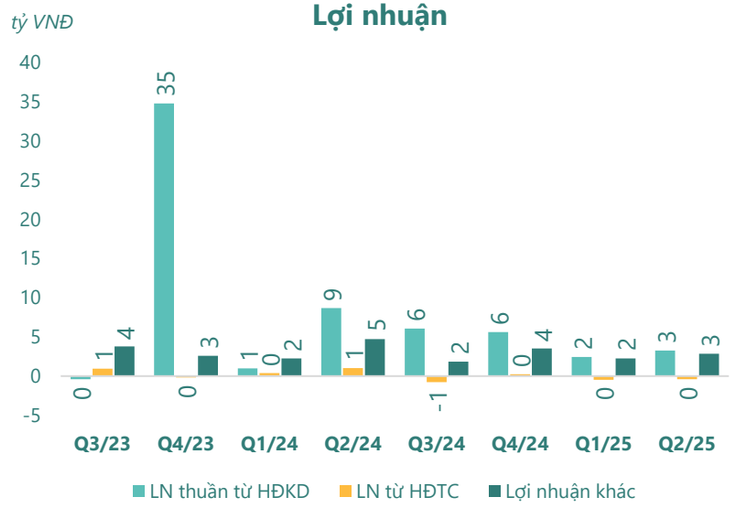
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



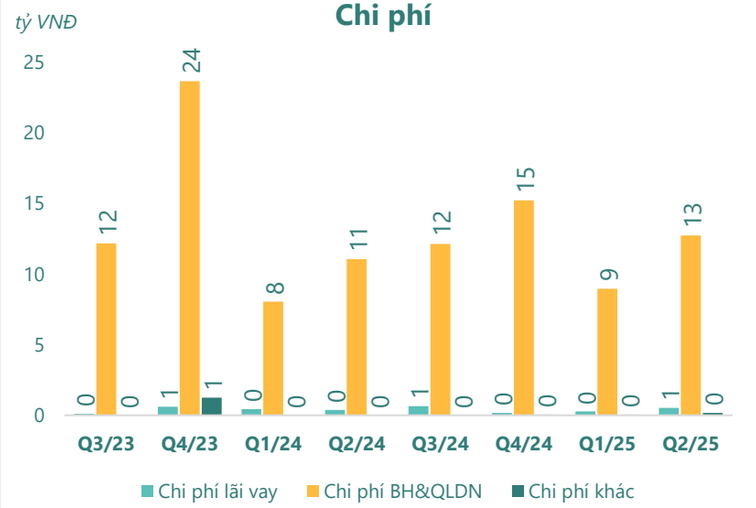
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



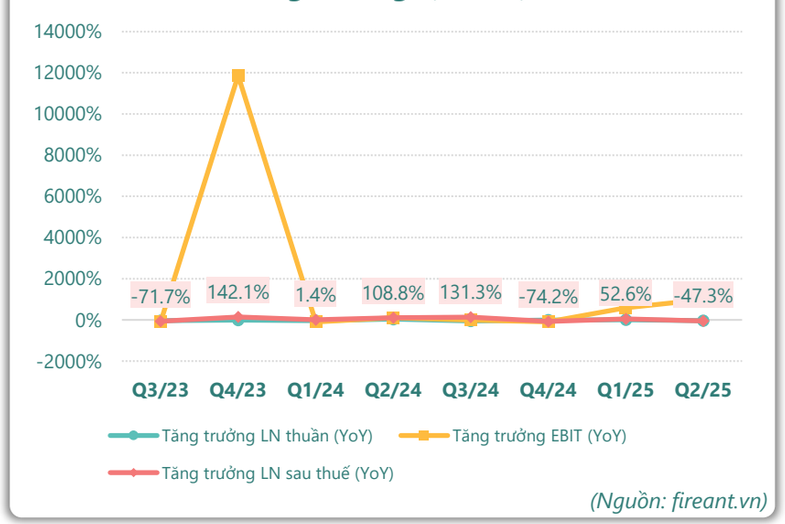
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



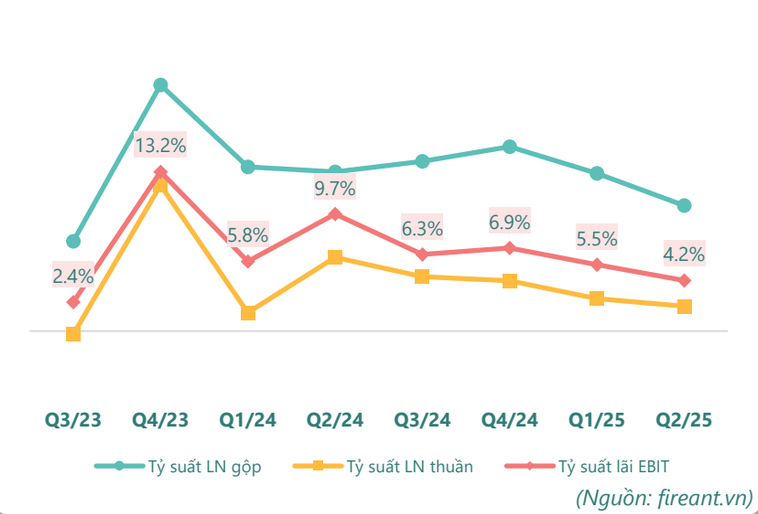
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



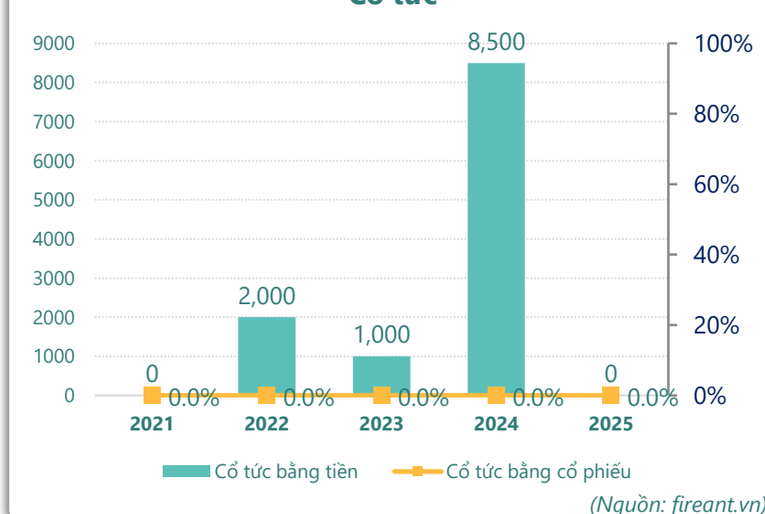
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

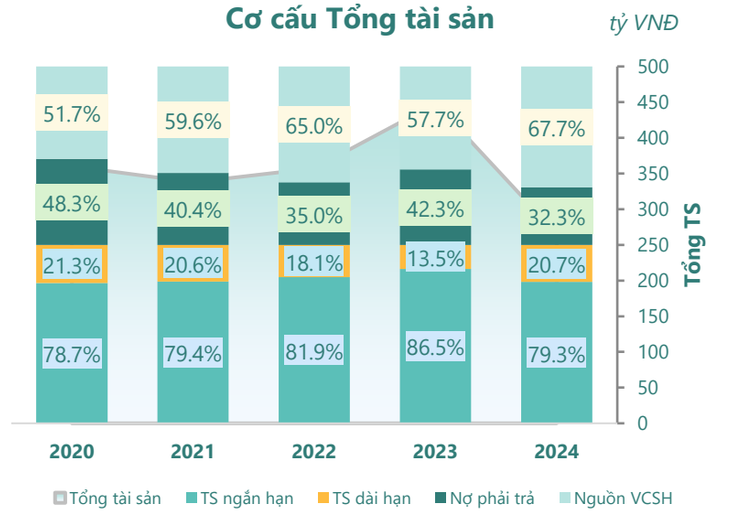
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

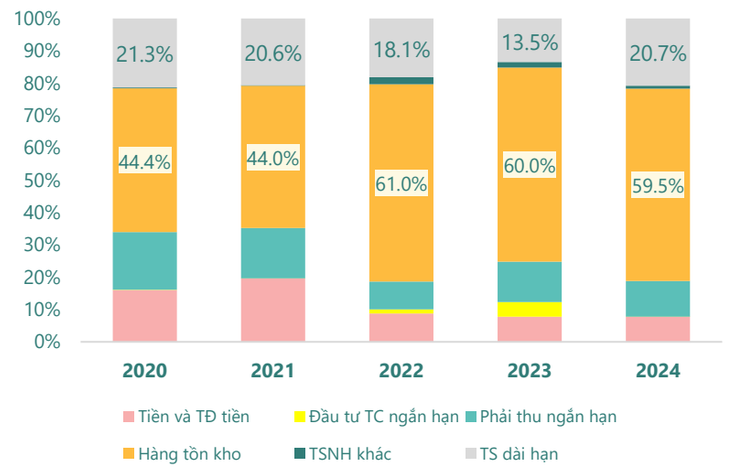
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



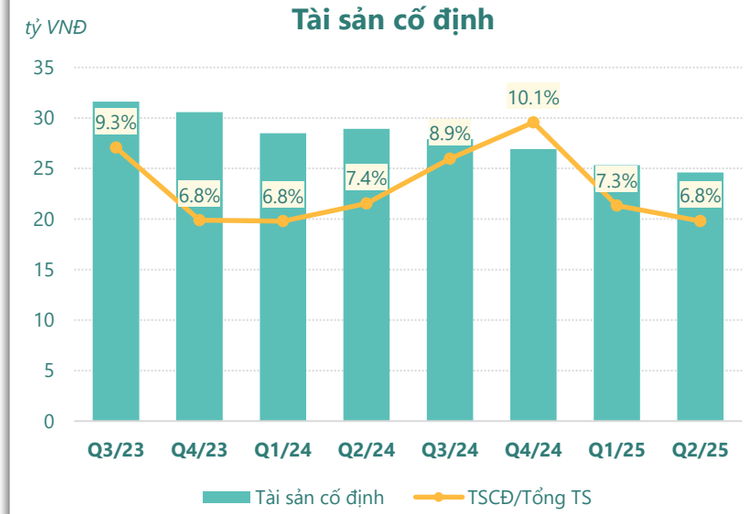
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



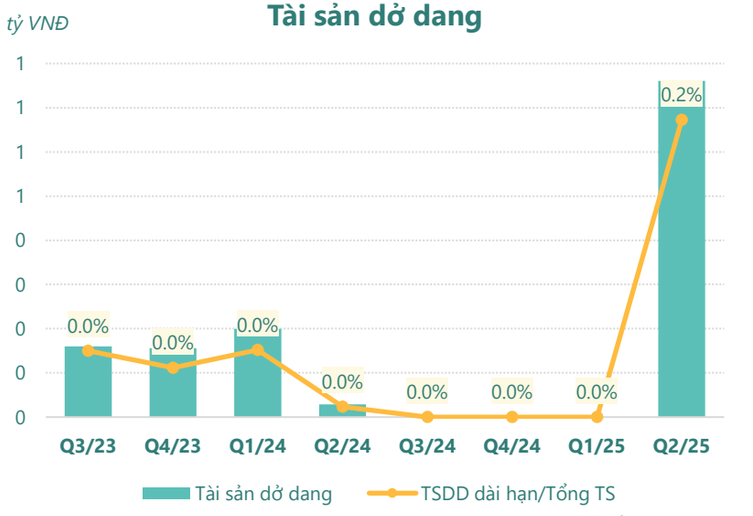
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



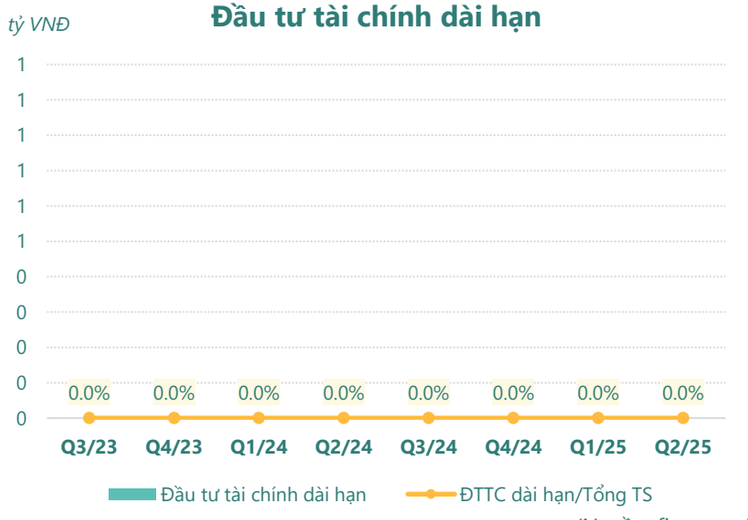
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



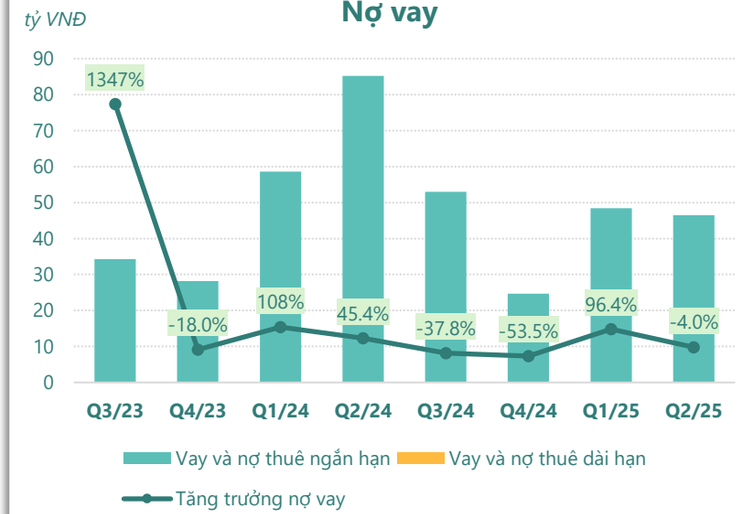
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

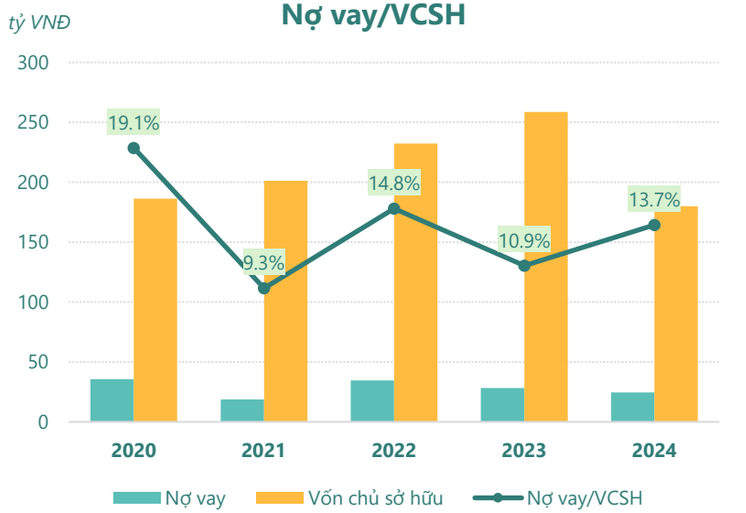
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

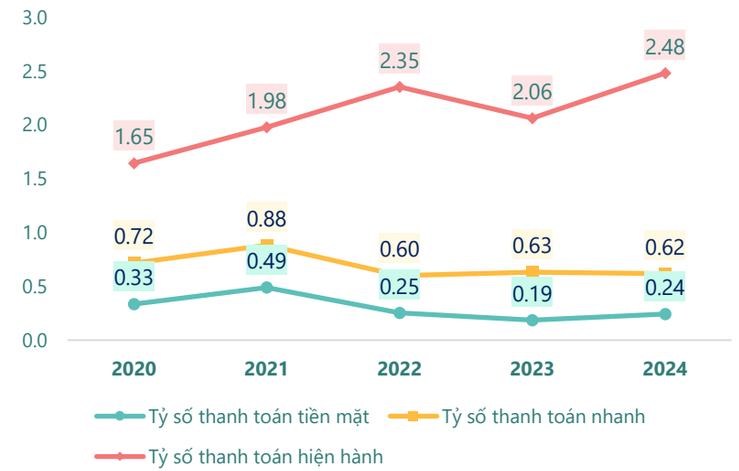
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



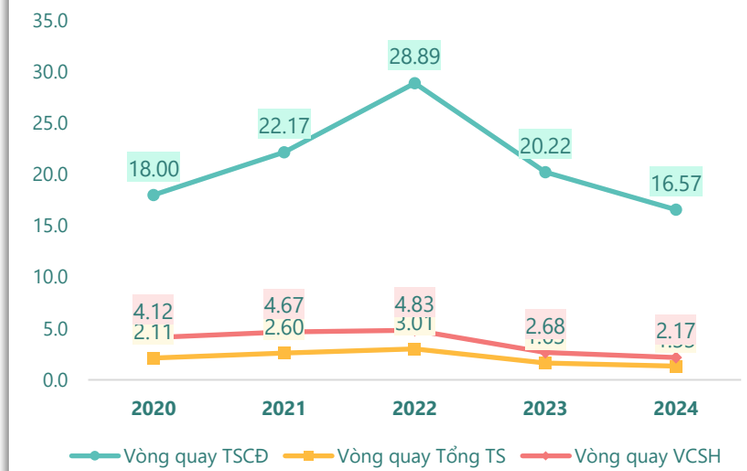
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



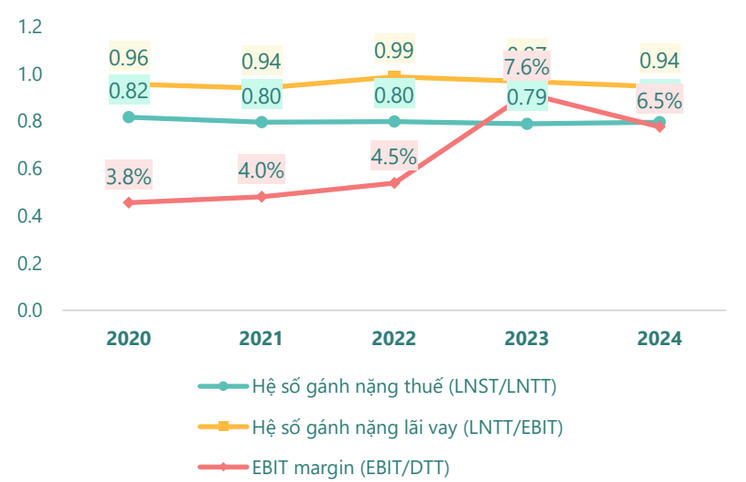
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



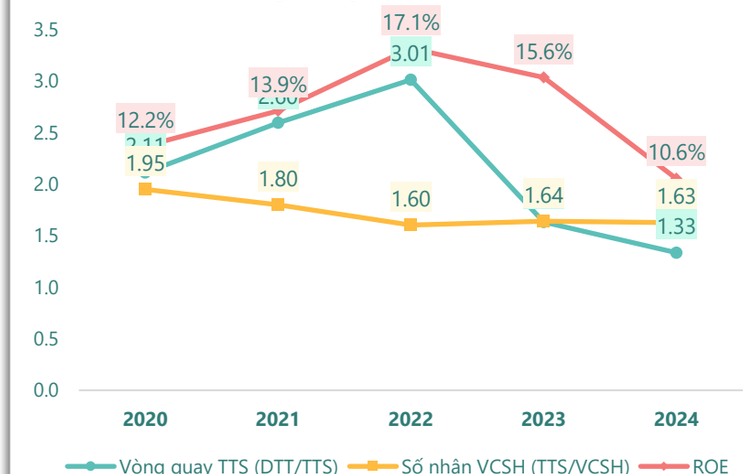
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



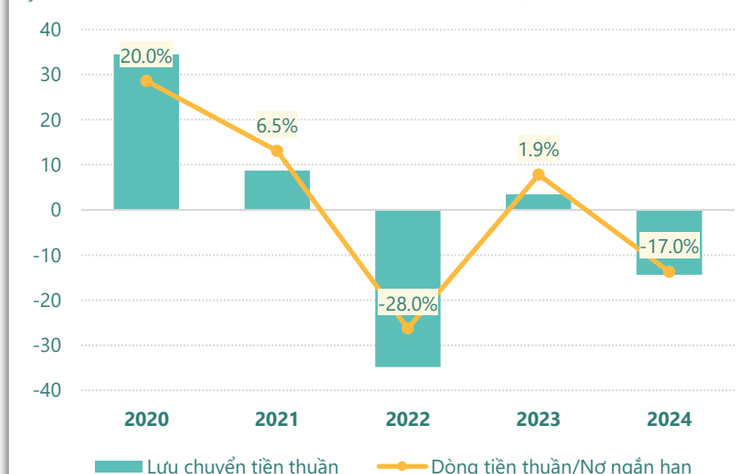
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**158**	**142**	**11.5%**	**249**	**206**	**21.1%**
Giá vốn hàng bán	142	124	14.5%	221	179	23.8%
Lợi nhuận gộp	16.4	18.7	-12.2%	28.3	27.4	3.4%
Doanh thu HĐTC	0.24	1.54	-84.6%	0.25	2.35	-89.3%
Chi phí TC	0.65	0.52	25.8%	1.13	0.97	15.8%
Chi phí lãi vay	0.53	0.37	42.1%	0.80	0.81	-1.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	7.16	6.09	17.5%	12.0	10.3	16.0%
Chi phí QLDN	**5.59**	**4.97**	**12.5%**	**9.75**	**8.78**	**11.1%**
LN thuần từ HĐKD	3.25	8.67	-62.5%	5.70	9.64	-40.9%
Lợi nhuận khác	**2.85**	**4.72**	**-39.7%**	**5.11**	**6.97**	**-26.7%**
LN trước thuế	6.10	13.4	-54.5%	10.8	16.6	-34.9%
Lợi nhuận sau thuế	**4.67**	**10.7**	**-56.3%**	**8.45**	**13.3**	**-36.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.67**	**10.7**	**-56.3%**	**8.45**	**13.3**	**-36.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-52.8	16.6	80.0	57.0	-30.5	9.51
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	21.3	-21.1	-9.58	-0.37	0.67	-0.58
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	30.4	4.24	-69.8	-70.4	23.8	-5.04
Tiền đầu kỳ	35.0	34.0	33.7	34.3	20.6	14.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.04**	**-0.27**	**0.63**	**-13.7**	**-6.10**	**3.90**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.03	-0.03	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.0	33.7	34.3	20.6	14.5	18.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**362**	**266**	**36.3%**
Tài sản ngắn hạn	309	211	46.9%
Tiền và tương đương tiền	18.4	20.6	-10.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.15	0.15	0.0%
Phải thu ngắn hạn	27.4	29.3	-6.7%
Hàng tồn kho	253	158	60.2%
Tài sản ngắn hạn khác	10.2	2.42	321%
Tài sản dài hạn	**52.9**	**55.1**	**-4.1%**
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản cố định	24.6	26.9	-8.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.76	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**27.5**	**28.2**	**-2.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	174	85.8	103%
Nợ ngắn hạn	**173**	**84.8**	**104%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	46.5	24.6	88.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	76.1	31.1	145%
Nợ dài hạn	0.89	0.98	-9.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**188**	**180**	**4.7%**
Vốn chủ sở hữu	**188**	**180**	**4.7%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)